

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2019

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Hữu Phước.

2/. Ông Đặng Thế Nghiệp.

Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Sa Rên –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Tính Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-HN ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Phan Thị H, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: ông Phạm Thanh H, sinh năm 1967 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Phan Thị H trình bày: bà và ông H do mai mối và được sự chấp thuận của cha mẹ hai bên, bà và ông H xác lập hôn nhân vào năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 24/12/2002. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2014 đến nay cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, ông H thường xuyên uống rượu say về nhà vô cớ đánh đập, hành hạ bà, làm cho cuộc sống gia đình bất ổn không thể khắc phục được, từ năm 2014 đến nay hai vợ chồng còn sống chung 01 nhà nhưng mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 02 người con chung tên Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1991 và Phạm Thị Tường V, sinh năm 1996 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Thửa đất số 693, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.220m², loại đất trồng cây ăn quả. Tọa lạc ấp A, xã T, huyện C do ông Phạm Thanh H đại diện hộ đứng tên, trên phần đất này có căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 120m², mái lợp tol, nền lót gạch men hiện tại bà và ông H đang sử dụng; Thửa số 401B, tờ bản đồ số 4, diện tích 6.770m², loại đất trồng lúa. Tọa lạc ấp A, xã T, huyện C do ông Phạm Thanh H đại diện hộ đứng tên.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng bà.

Nay về quan hệ hôn nhân: bà xin được ly hôn với ông Phạm Thanh H; Về con chung tên: Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1991 và Phạm Thị Tường V, sinh năm 1996 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: bà và ông H tự thỏa thuận không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2019 ông Phạm Thanh H là bị đơn trình bày: ông là chồng của bà Phan Thị H. Ông hoàn toàn thống nhất lời trình bày của bà H về hôn nhân, con chung, tài sản chung là đúng sự thật. Quá trình chung sống vợ chồng có thửa đất số 693, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.220m², loại đất trồng cây ăn quả. Tọa lạc ấp A, xã T, huyện C do ông đại diện hộ đứng tên, trên phần đất này có căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 120m², mái lợp tol, nền lót gạch men hiện tại ông và bà H đang sử dụng; Thửa số 401B, tờ bản đồ số 4, diện tích 6.770m², loại đất trồng lúa. Tọa lạc ấp A, xã T, huyện C do ông đại diện hộ đứng tên, quá trình chung sống vợ chồng không có thiếu nợ ai, còn có ai thiếu nợ vợ chồng ông thì ông không biết do ông không quản lý tiền bạc, vợ chồng sống hạnh phúc từ khi cưới đến nay, không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có cự cãi qua lại nguyên nhân là do bà H đi đờn ca về khuya nên ông không đồng ý và xảy ra cự cãi có lần đánh bà H 01, 02 bạt tay, 02 vợ chồng không có sống ly thân vẫn còn sống chung 01 nhà cùng ăn chung, ở chung nhà, đi làm về có tiền lương đưa cho bà H quản lý.

Nay về quan hệ hôn nhân ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn phải ly hôn, trường hợp pháp luật giải quyết cho ly hôn, về con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản chung ông và bà H tự thỏa thuận không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông Phạm Thanh H vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay ông Phạm Thanh H là bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày quan điểm cho rằng:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng

dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn ông Phạm Thanh H chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể ông H không có mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án triệu tập.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 51, 53, 54, 56 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị H và ông Phạm Thanh H được ly hôn.
- Về con chung tên: Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1991 và Phạm Thị Tường V, sinh năm 1996 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: Bà H không đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Vị còn đề nghị buộc bà Phan Thị H có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay ông Phạm Thanh H là bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà Phan Thị H và ông Phạm Thanh H được xác lập vào năm 1988 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã T, huyện C vào ngày 24/12/2002, Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2014 đến nay cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, ông H thường xuyên uống rượu say về nhà vô cớ đánh đập, hành hạ bà, làm cho cuộc sống gia đình bất ổn không thể

khắc phục được, từ năm 2014 đến nay hai vợ chồng còn sống chung 01 nhà nhưng mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Nay bà H nhận thấy không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu được ly hôn.

Ông H không đồng ý ly hôn với bà Phan Thị H, ông H cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc từ khi cưới đến nay, không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có cự cãi qua lại nguyên nhân là do bà H đi đờn ca về khuya nên ông không đồng ý và xảy ra cự cãi có lần đánh bà H 01, 02 bạt tay, 02 vợ chồng không có sống ly thân vẫn còn sống chung 01 nhà cùng ăn chung, ở chung nhà, đi làm về có tiền lương đưa cho bà H quản lý. Ông yêu cầu được đoàn tụ nhưng không đưa ra được hướng đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng gia đình hạnh phúc.

Qua xác minh Chính quyền địa phương bà H và ông H không có mâu thuẫn gì lớn chỉ có cự cãi qua lại, nguyên nhân là bà H đi theo đờn ca tài tử về khuya, trong lúc ông H có uống rượu nên xảy ra cự cãi vì ông H không đồng ý việc bà H đi chơi khuya, hiện tại hai vợ chồng còn sống chung với nhau, không có ly thân.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tại phiên tòa bà H cho rằng bà và ông H còn sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau, ông H thường xuyên uống rượu say về nhà vô cớ đánh đập, hành hạ bà, bà có báo chính quyền địa phương nhưng không giải quyết, vì 02 con nên bà tiếp tục sống với ông Hùng cho đến nay.

Từ các nguyên nhân trên xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa bà H và ông H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa bà H xin ly hôn với ông H là có căn cứ, đúng qui định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu cho bà H và ông H được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung tên: Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1991 và Phạm Thị Tường V, sinh năm 1996 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.3] Về tài sản chung: Thửa đất số 693, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.220m², loại đất trồng cây ăn quả. Tọa lạc ấp A, xã T, huyện C do ông Phạm Thanh H đại diện hộ đứng tên, trên phần đất này có căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 120m², mái lợp tol, nền lót gạch men hiện tại bà H và ông H đang sử dụng; Thửa số 401B, tờ bản đồ số 4, diện tích 6.770m², loại đất trồng lúa. Tọa lạc ấp A, xã T, huyện C do ông Phạm Thanh H đại diện hộ đứng tên, tại phiên tòa bà H không đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về án phí: bà Phan Thị H có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị H và ông Phạm Thanh H được ly hôn.
- Về con chung tên: Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1991 và Phạm Thị Tường V, sinh năm 1996 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Bà H không đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: bà Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/ 0018694, ngày 22/01/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu, bà Phan Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

2. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

Lê Thị Trúc Linh